

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Thực hiện nội dung Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 ước đạt 34.167 tỷ đồng, bằng 140,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 44,7% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

1. Thu nội địa:

Thu nội địa cả năm ước đạt 23.084 tỷ đồng, bằng 137,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 150,8% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt 15.275 tỷ đồng, bằng 184,3% dự toán giao, bằng 170,2% so với năm 2021. Nguồn thu từ khu vực này tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao là 6.986 tỷ đồng, chủ yếu tăng thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 549 tỷ đồng, bằng 155,1% dự toán, bằng 77,3% so với cùng kỳ. Vượt cao so với dự toán giao nhưng thấp so với cùng kỳ là do năm 2021 có phát sinh 69 tỷ đồng thuế TNDN truy thu qua thanh tra tại Công ty Cổ phần Doosan Vina.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh ước đạt 3.160 tỷ đồng, bằng 106,9% dự toán giao, bằng 118,7% so với năm 2021.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 479 tỷ đồng, bằng 111,1% dự toán giao, bằng 103% so với năm 2021.

- Thuế bảo vệ môi trường ước thu 433 tỷ đồng, bằng 72,2% dự toán và bằng 55,2% so với thực hiện năm 2021. Thu không đạt dự toán chủ yếu do tác động giảm thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng xăng, dầu theo Nghị quyết 20/2022/UBTVQH15 của Quốc hội.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 2.126 tỷ đồng (trong đó ghi thu tiền sử dụng đất là 38 tỷ đồng), bằng 67,7% dự toán, bằng 227,6% so với năm 2021.

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Ước thu 64 tỷ đồng (trong đó ghi thu tiền thuê đất là 3 tỷ đồng), đạt 118,4% dự toán, tăng 34,1% so cùng kỳ. Vượt dự toán và tăng cao so cùng kỳ do năm 2022 phát sinh 25 tỷ đồng tiền thuê đất trả tiền một lần, trong khi cùng kỳ chỉ phát sinh 7,8 tỷ đồng.

- Thu phí, lệ phí: Ước đạt 173 tỷ đồng, bằng 103% dự toán giao, bằng 94,4% so với cùng kỳ. Thu vượt dự toán nhưng thấp so cùng kỳ là do cùng kỳ năm 2021 có phát sinh 13 tỷ đồng phí làm căn cước công dân, trong khi năm 2022 phát sinh không đáng kể.

- Thu khác ngân sách ước thu 242 tỷ đồng, bằng 124,2% dự toán giao, bằng 111,8% so với năm 2021.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thu cả năm đạt 68,6 tỷ đồng, đạt 196% dự toán giao, tăng 63,9% so cùng kỳ. Năm 2022 có phát sinh 24 tỷ tiền cấp quyền khu vực biển, góp phần vượt dự toán và tăng cao so cùng kỳ.

2. *Thu hoạt động xuất nhập khẩu*: cả năm ước đạt 11.000 tỷ đồng, bằng 146,7% dự toán giao, tăng 33,2% so với năm 2021. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 7.620 tỷ đồng và thu từ dầu thô nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 3.373 tỷ đồng.

3. *Thu vay vốn để bù đắp bội chi*: Năm 2022 ước đạt 83,1 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 100% dự toán giao.

II. Chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN, Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 ước đạt 16.091 tỷ đồng, bằng 96,9% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 118,5% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 13.776 tỷ đồng, bằng 91,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 121% so với năm 2021; trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.249 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán giao, bằng 168,5% so với năm 2021. Trong đó:

- Chi đầu tư cho các dự án đạt 4.123 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán giao, bằng 164,8% so với năm 2021.

- Chi đầu tư phát triển khác 126 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao, bằng 614,4% so với năm 2021.

b) Chi thường xuyên: ước đạt 9.509 tỷ đồng, bằng 108,8% so dự toán giao, bằng 107,4% so với năm 2021. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 3.711 tỷ đồng, bằng 110,2% dự toán giao;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 29 tỷ đồng, bằng 105,0% dự toán giao;

- Chi sự nghiệp y tế đạt 950 tỷ đồng, bằng 109,4% dự toán giao;

- Các khoản chi đạt và vượt dự toán giao, như: Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 128 tỷ đồng, bằng 128,1% dự toán giao; chi sự nghiệp kinh tế đạt 1.537 tỷ đồng, bằng 103% dự toán giao; chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể đạt 1.725 tỷ đồng, bằng 111,9% dự toán giao; chi đảm bảo xã hội đạt 764 tỷ đồng, bằng 103,8% dự toán giao.

c) Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính ước đạt 15,8 tỷ đồng, bằng 1.393% so với dự toán giao.

d) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, ước đạt 2 tỷ đồng, bằng 50% so dự toán giao.

2 Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 1.543 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 1.468 tỷ đồng, vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ là 76 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm Trung ương bổ sung 771,5 tỷ đồng để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ước thực hiện: 2.315 tỷ đồng, đạt 150% dự toán giao.

III. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2022, tình hình kinh tế của tỉnh được phục hồi và phát triển hơn so với cùng kỳ; giá dầu thô thế giới tăng cao, bình quân ở mức 101 USD/thùng, cao hơn dự toán HĐND tỉnh giao khoảng 29 USD/thùng, góp phần làm tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu không đạt dự toán giao, như: Thu từ Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, lệ phí trước bạ, thuế bảo vệ môi trường, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành một số chính sách miễn, giảm thuế (như giảm thuế GTGT đầu ra từ 10% xuống 8%; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng xăng, dầu; ...) nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 cũng làm giảm thu ngân sách nhà nước ở một số nguồn thu, sắc thuế.

Việc thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và thu tiền sử dụng đất không đảm bảo dự toán giao đã làm ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư từ các nguồn vốn này.

2. Chi ngân sách nhà nước

Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Quản lý chi thường xuyên vẫn còn một số trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đối với một số đơn vị dự toán; nhiều cơ chế, chính sách, đề án, dự án được ban hành nhưng chưa đáp ứng đủ nguồn lực tài chính để thực hiện; Tỉnh phải đảm bảo tối thiểu 20% nhu cầu kinh phí tăng thêm của các chính sách do Trung ương ban hành, nhất là chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng chính phủ nên nguồn lực địa phương rất khó khăn cho việc bố trí vốn đầu tư phát triển.

Năm 2022, tiếp tục xử lý hụt thu cân đối ngân sách địa phương năm 2020, tỉnh phải bố trí nguồn do giảm chi năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 751,964 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHTien676.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.334.592	34.166.977	140,4	144,7
I	Thu cân đối NSNN	24.251.492	34.083.877	140,5	105,9
1	Thu nội địa	16.751.492	23.083.877	137,8	150,8
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.500.000	11.000.000	146,7	133,2
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	16.611.912	16.090.726	96,9	118,5
I	Chi cân đối NSDP	15.068.385	13.775.614	91,4	121,0
1	Chi đầu tư phát triển	4.248.723	4.248.723	100,0	168,5
2	Chi thường xuyên	8.737.324	9.509.004	108,8	107,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.000	2.000	50,0	223,0
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	15.887	1.393,6	100,0
5	Dự phòng ngân sách	312.310			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.764.888			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.543.527	2.315.112	150,0	105,6
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	83.100	83.100	100,0	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.334.592	34.166.977	140,4	144,7
I	Thu nội địa	16.751.492	23.083.877	137,8	150,8
1	Thu từ khu vực DNNN	8.289.000	15.275.000	184,3	170,2
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	354.000	549.210	155,1	77,3
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.956.000	3.160.130	106,9	118,7
4	Thuế thu nhập cá nhân	431.000	479.000	111,1	103,0
5	Thuế bảo vệ môi trường	600.000	433.000	72,2	55,2
6	Lệ phí trước bạ	220.000	199.800	90,8	104,7
7	Thu phí, lệ phí	168.000	173.080	103,0	94,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.397.492	2.401.027	70,7	243,0
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	10.490	209,8	171,7
-	Thu tiền sử dụng đất	3.138.377	2.125.881	67,7	227,6
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	54.115	64.095	118,4	134,1
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	200.000	200.561		88.352,9
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	35.000	68.610	196,0	163,9
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	2.600	130,0	259,2
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	95.000	88.000	92,6	112,7
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9.000	12.320	136,9	102,8
13	Thu khác ngân sách	195.000	242.100	124,2	111,8
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.500.000	11.000.000	146,7	133,2
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.035.000	10.491.977	149,1	133,9
2	Thuế xuất khẩu	210.000	200.000	95,2	124,4
3	Thuế nhập khẩu	200.000	235.000	117,5	119,1
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		23		328,6
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	55.000	69.000	125,5	107,6
6	Thu khác		4.000		521,5
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	15.886.154	22.088.472	139,0	169,4
1	Từ các khoản thu phân chia	11.822.282	18.928.735	160,1	166,0
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.063.872	3.159.737	77,8	193,1

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	16.611.912	16.090.726	96,9	118,5
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15.068.385	13.775.614	91,4	121,0
I	Chi đầu tư phát triển	4.248.723	4.248.723	100,0	168,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.122.772	4.122.772	100,0	164,8
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	125.951	125.951	100,0	614,4
II	Chi thường xuyên	8.737.324	9.509.004	108,8	107,4
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.365.761	3.710.751	110,2	119,7
2	Chi khoa học và công nghệ	27.815	29.206	105,0	121,2
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	868.486	950.478	109,4	113,2
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	107.682	110.250	102,4	101,1
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.329	36.750	101,2	93,5
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	46.087	47.250	102,5	182,4
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	100.101	128.210	128,1	99,1
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.492.660	1.537.440	103,0	93,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.541.677	1.724.771	111,9	93,9
10	Chi bảo đảm xã hội	736.003	763.607	103,8	120,2
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.000	2.000	50,0	223,0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	15.887	1.393,6	1.393,6
V	Dự phòng ngân sách	312.310			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.764.888			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.543.527	2.315.112	150,0	105,6
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		771.585		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.467.761	1.467.761	100,0	87,2
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	75.766	75.766	100,0	18,1